

*Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 515/2026/TLST-V-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

1. Chị **Trần Thu T** - sinh năm 2001; CCCD: 001301001147.

Nơi thường trú: **L, xã P, thành phố Hà Nội**

Nơi ở hiện tại: **Thôn L, xã P, Hà Nội.**

2. Anh **Nguyễn Bằng N** - sinh năm 1994; CCCD: 040094033943

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: **C H L, phường H, Hà Nội.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn Bằng N** đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện G, Hà Nội (nay là xã P, Hà Nội)** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2024 ngày 05/9/2024 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay, anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận

đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

### 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn Bằng N**

### 2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn Bằng N** cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Trần Ánh D**, sinh ngày 02/6/2025.

Sau khi ly hôn, chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn Bằng N** thống nhất thỏa thuận giao con chung cho mẹ là chị **Trần Thu T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 04 năm 2026 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh **Nguyễn Bằng N** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn Bằng N** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn Bằng N** xác nhận: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn Bằng N** xác nhận: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí: Anh **Nguyễn Bằng N** tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008640 ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội. Anh **N** đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND xã Phù Đổng, Hà Nội
- (GCNKH số 43/2024 ngày 05/9/2024)
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Kim Cúc**